

Báo cáo triển vọng

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Tháng 02.2025

Trung tâm phân tích <GO>

Mở tài khoản



Tải ứng dụng



KINH TẾ VIỆT NAM THÁCH THỨC MỤC TIÊU MỚI

- Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 lên 8%, nhờ vào đầu tư công và FDI mạnh mẽ.
- Tuy nhiên, thách thức từ sự không chắc chắn của nền kinh tế toàn cầu và các chính sách thuế mới có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng.
- Lạm phát trong tháng 1/2025 tăng chủ yếu do giá thực phẩm và vận tải, gây áp lực lên CPI.
- Mặc dù xuất khẩu giảm nhẹ trong tháng 1/2025, Việt Nam vẫn duy trì thặng dư thương mại 3,03 tỷ USD.
- FDI tháng 1/2025 đạt 4,33 tỷ USD, phản ánh sự lạc quan của nhà đầu tư dù tình hình toàn cầu còn bất ổn.
- Tỷ giá VND/USD có xu hướng tăng và có thể đạt 26.000 đồng vào cuối năm
- Chính phủ tiếp tục thúc đẩy đầu tư công, với mục tiêu giải ngân mạnh mẽ hơn trong năm 2025.

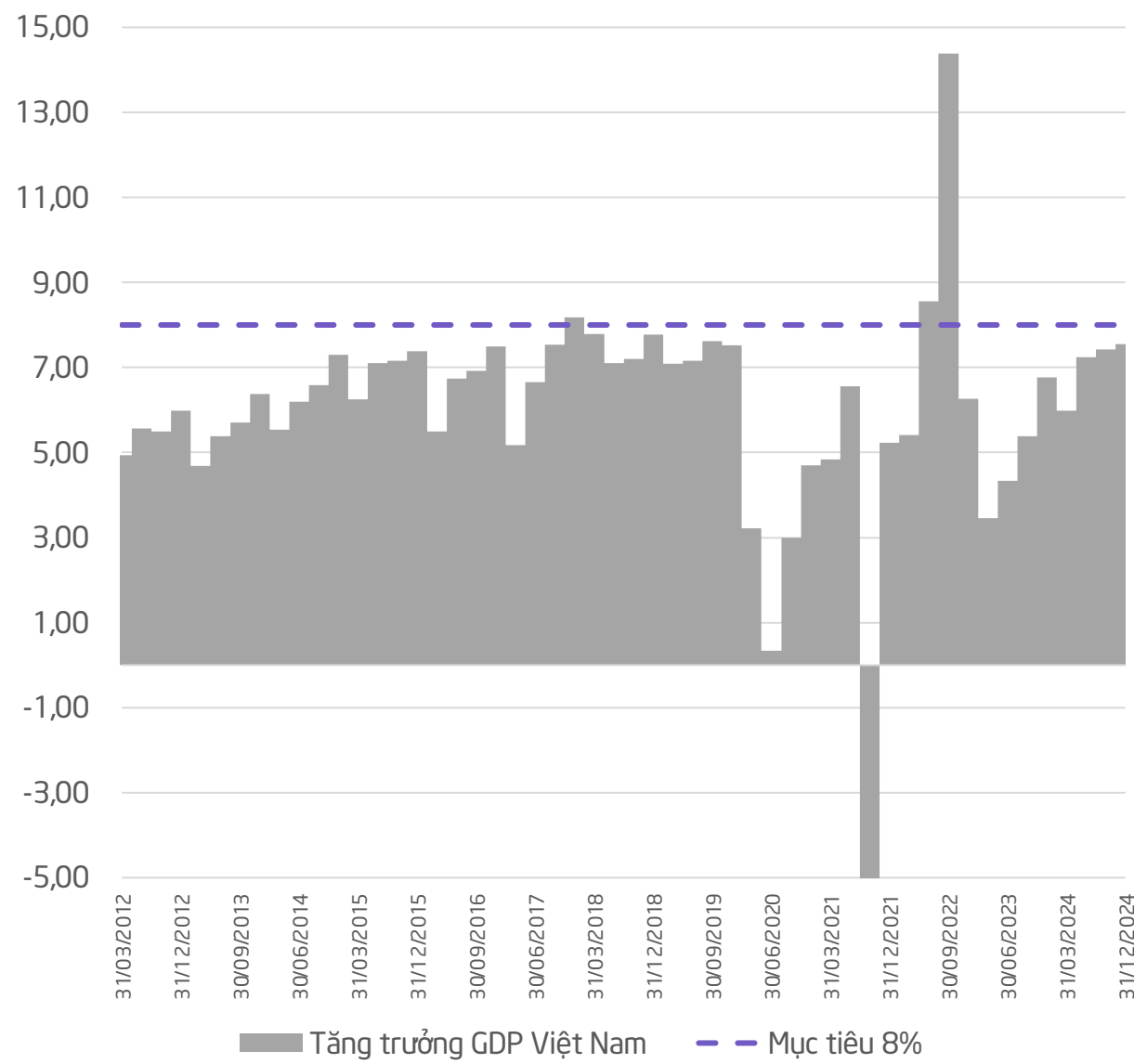
Đề án nâng mục tiêu tăng trưởng năm 2025 lên 8%, vượt kì vọng

Tháng 2/2025 Chính phủ đã trình quốc hội đề xuất điều chỉnh tốc độ tăng trưởng **tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2025 đạt 8% trở lên**. Mức này cao hơn mục tiêu Quốc hội quyết nghị tại kỳ họp cách đây 3 tháng ở mức 6,5%, đồng thời mục tiêu tăng trưởng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tức lạm phát bình quân khoảng 4,5-5%. Theo đề án của Chính phủ cơ sở để đạt mục tiêu như sau :

- **Thúc đẩy đầu tư công và FDI:** Chính phủ dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 đạt khoảng 174 tỷ USD, tương đương 33,5% GDP. Trong đó, đầu tư công khoảng 36 tỷ USD (875.000 tỷ đồng), tăng 84.300 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2024. Đầu tư tư nhân dự kiến đạt 96 tỷ USD, và FDI khoảng 28 tỷ USD.
- **Thương mại quốc tế:** Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 khoảng 12%, với kỳ vọng đạt thặng dư thương mại khoảng 30 tỷ USD. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,3%, trong khi nhập khẩu tăng 16,7%, dẫn đến thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD.
- **Ổn định tài chính và kiểm soát lạm phát:** Chính phủ hướng đến việc duy trì lạm phát trong mức 4,5-5%, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đây là một điều chỉnh đáng chú ý thể hiện tham vọng thúc đẩy kinh tế mạnh mẽ trong năm 2025 tạo bàn đạp cho mục tiêu **“tăng trưởng hai chữ số”** mà Thủ Tướng Chính Phủ Phạm Minh Chính đề cập vào cuối năm 2024.

Kể từ 2012 đến nay, ngoại trừ giai đoạn phục hồi sau Covid-19, chỉ có 1 quý GDP Việt Nam tăng trưởng đạt tới > 8%



Tuy nhiên quan điểm Trung tâm phân tích TPS cho rằng để đạt mục tiêu 8% có thách thức như sau :

Biến động kinh tế toàn cầu: Theo dự báo của Liên Hợp Quốc, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến đạt 2,8% vào năm 2025, không thay đổi so với năm 2024. Đây là mức thấp hơn so với giai đoạn 2010-2019 (trung bình 3,2%), phản ánh sự suy yếu trong đầu tư, năng suất lao động và những áp lực tài chính gia tăng. OECD cũng dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 đạt 3,3%, với mức tăng trưởng khu vực Eurozone chỉ đạt 1,3%. Điều này đặt ra thách thức lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt đối với các ngành dệt may, điện tử và nông sản, vốn phụ thuộc vào các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu.

Trung bình dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 của các tổ chức lớn cũng quanh mức 6,5%

Tổng thống Mỹ Donald Trump tái khởi động chiến tranh thương mại, đặc biệt với Trung Quốc, có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu căng thẳng thương mại leo thang, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có thể gặp khó khăn do chính sách thuế quan mới, đồng thời gây áp lực lên chi phí sản xuất trong nước.

Tỷ giá VND/USD có thể chạm 26.000 vào cuối năm, đặc biệt khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) chậm lại tiến trình cắt giảm lãi suất, Đồng USD mạnh lên có thể làm giảm sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam đối với các nhà đầu tư quốc tế, khiến dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trở nên thận trọng hơn.

Áp lực lạm phát và chi phí sản xuất tăng cao: Lạm phát tại Việt Nam nhưng vẫn chịu áp lực lớn từ chi phí đầu vào và logistics. Hiện nay, chi phí logistics tại Việt Nam chiếm khoảng 16,8% GDP, cao hơn mức trung bình toàn cầu là 10,6% (theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam - VLA). Việc giá xăng dầu giá cước đang ở vùng đáy rất thấp đang có dấu hiệu tăng trở lại làm tăng áp lực lên mục tiêu lạm phát.

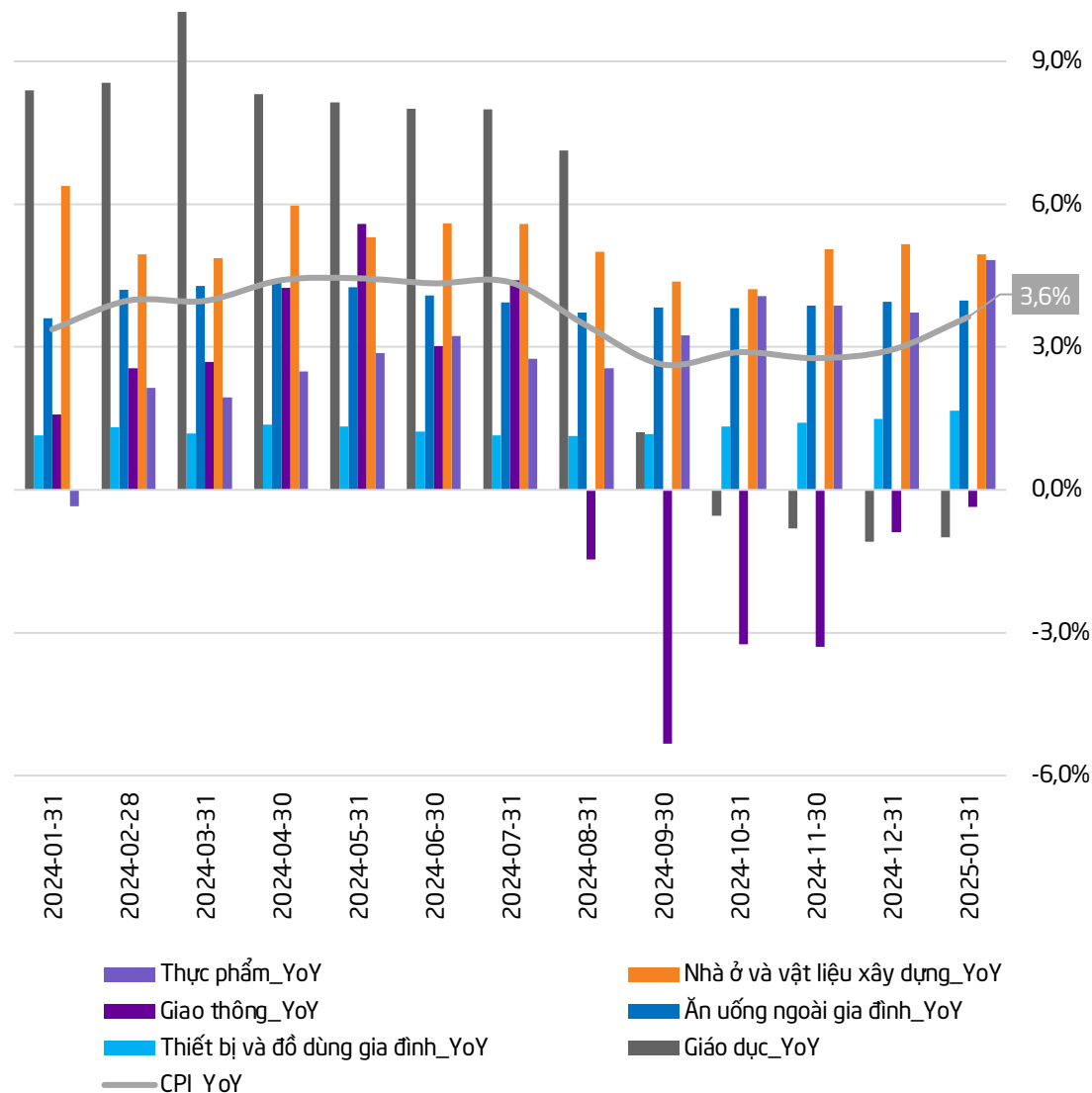
Quan điểm của TPS cho rằng khó để đạt được mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ 8% tuy nhiên Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 6,5% - 7% (mục tiêu ban đầu) và mục tiêu mới là thông điệp cho việc **Chính Phủ mong muốn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ ưu tiên hàng đầu năm 2025.**

Chúng tôi sẽ phân tích kĩ hơn trong phần tiếp theo của báo cáo.

Trung bình dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 của các tổ chức lớn khoảng 6,5%

	Dự báo trước đây (%)	Dự báo hiện tại (%)
UOB	6,6	7
Standard Chartered	6,7	6,7
ADB	6,2	6,6
WB	6,5	6
HSBC	6,5	6,5
Mục tiêu Chính Phủ	6,5	8

Các cấu phần có tỷ trọng lớn nhất trong rổ CPI



Trong tháng 1 năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam tăng 0,98% so với tháng trước và tăng 3,63% so với cùng kỳ năm 2024. Lạm phát cơ bản tăng 3,07% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng CPI trong tháng 1/2025 bao gồm:

- **Điều chỉnh giá dịch vụ y tế:** Một số địa phương đã áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, dẫn đến nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,47% so với tháng trước, đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung
- **Nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán:** Nhu mua sắm của người dân tăng cao trong dịp Tết nhóm hàng thực phẩm tăng mạnh 4,8% so với năm ngoái.
- Chỉ số giá xăng tăng 2,02% và dầu diesel tăng 4,99% do các đợt điều chỉnh giá trong nước, góp phần làm giá giao thông phục hồi trở lại không còn là yếu tố hỗ trợ giảm lạm phát như cuối năm 2024.
- Đồng thời tiếp tục ảnh hưởng của giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng do tăng giá điện 4,8% trong năm 2024.

Có thể thấy **áp lực lên lạm phát là ngắn hạn trong tháng Tết**, đồng loạt giá thực phẩm tăng và cộng hưởng với việc giá xăng không còn trong xu hướng giảm mà tăng trở lại khiến cho tình hình lạm phát đột biến tăng 1% ngay trong tháng 1/2025

Thay đổi của các hàng hóa quan trọng ảnh hưởng tới CPI



Chúng tôi nhận thấy một số nhóm hàng hóa trọng yếu đang có xu hướng tăng giá, tiềm ẩn rủi ro tác động đến mặt bằng lạm phát. Cụ thể:

- **Giá xăng dầu:** Trong năm 2024, giá xăng đã có thời điểm giảm hơn 10% so với đầu năm, đóng vai trò quan trọng trong việc giữ CPI dưới ngưỡng 4%. Tuy nhiên, mức giảm hiện tại chỉ còn 4,8%, và giá xăng đang dao động quanh vùng đáy. Điều này đặt ra khả năng giá nhiên liệu sẽ hồi phục, trở thành yếu tố làm gia tăng chi phí sinh hoạt và vận tải trong năm 2025.
- **Giá heo hơi:** Hiện tại, giá heo hơi đã chạm mốc cao nhất trong vòng hai năm, vượt ngưỡng 70.000 đồng/kg. Chỉ tính riêng từ đầu năm 2025, giá mặt hàng này đã tăng 5,7%. Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến rổ thực phẩm, tạo áp lực không nhỏ lên CPI.
- **Giá phân bón:** Là đầu vào quan trọng của ngành nông nghiệp và thực phẩm, giá phân bón bất ngờ tăng hơn 10% ngay trong những tháng đầu năm 2025. Nếu xu hướng này tiếp diễn, chi phí sản xuất nông sản sẽ gia tăng đáng kể, ảnh hưởng đến giá lương thực và thực phẩm trong những tháng tới.

Sự biến động của các nhóm hàng hóa thiết yếu này cần được theo dõi chặt chẽ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát 4,15% trong năm 2025.

Bộ Tài chính đã đề xuất ba kịch bản lạm phát dựa trên các biến động dự kiến của giá cả hàng hóa và dịch vụ thiết yếu:

1. CPI tăng khoảng 3,83% so với năm 2024.
2. CPI tăng khoảng 4,15% so với năm 2024.
3. CPI tăng khoảng 4,5% so với năm 2024.

Trong giả định giá heo hơi và giá phân bón không trở lại giai đoạn tăng nóng của năm 2020 – 2021 chúng tôi cho rằng kịch bản 2 là mức CPI phù hợp Việt Nam có thể kiểm soát tốt.

Thị trường tài chính đang trong bối cảnh tỷ giá USD/VND đang có xu hướng tăng mạnh từ cuối năm 2024. Cụ thể:

- Tỷ giá hiện đang ở mức cao nhất trong nhiều tháng qua, với tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước đạt mức 24.572 đồng/USD
- Tỷ giá USD của các ngân hàng thương mại cũng đã có lúc lên 25.740đ/USD.

Dự báo rằng tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng trong năm 2025, có thể lên đến mức 26.000 đồng/USD vào cuối năm, phản ánh sự biến động mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài.

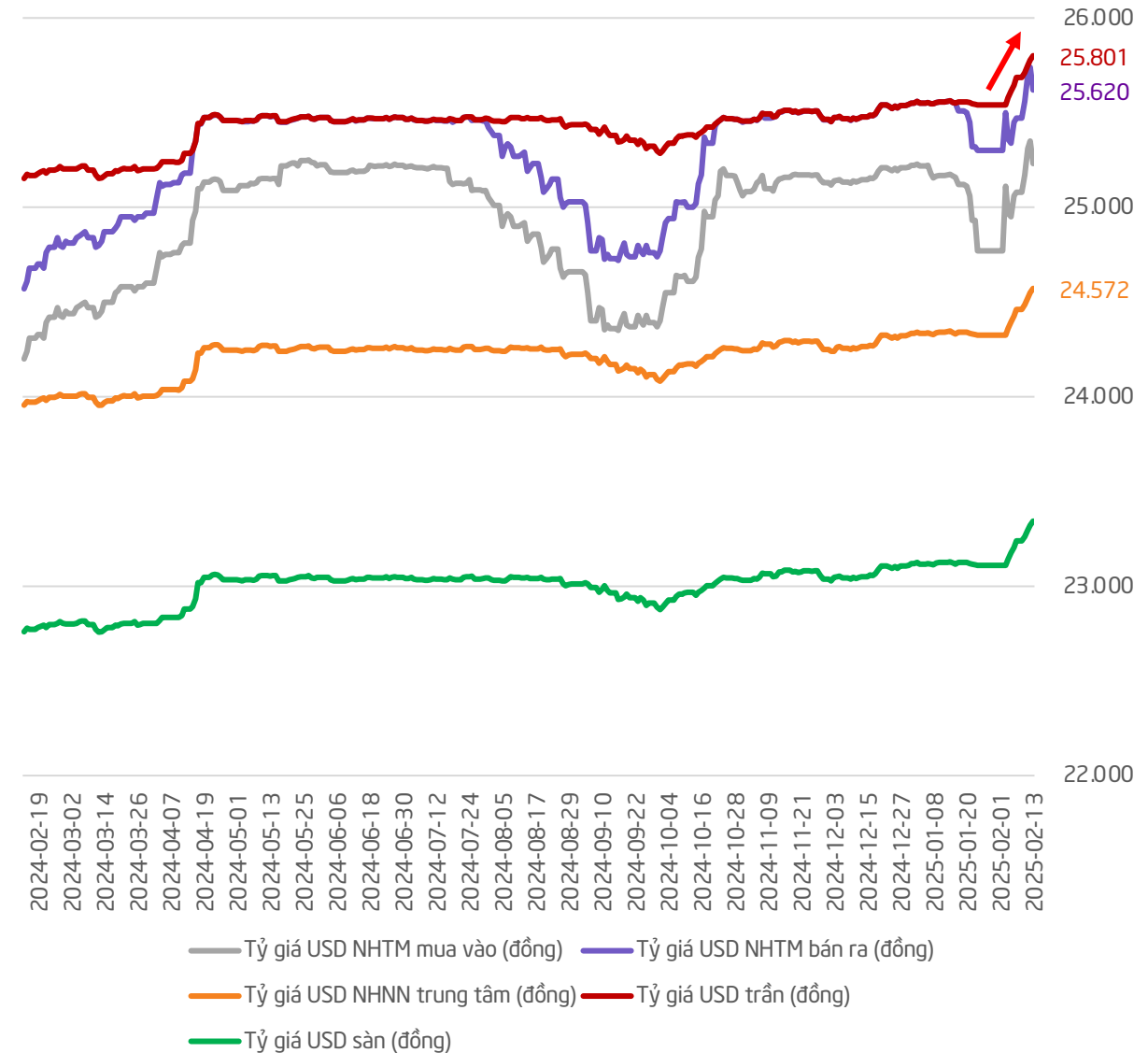
Một trong những tác động lớn đến tỷ giá USD/VND là tình hình lạm phát tại Mỹ. Lạm phát tăng lên 3% trong tháng 1/2025, tạo khó khăn cho kế hoạch cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Việc hạn chế tiến trình giảm lãi suất của Fed trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ vẫn ổn định và thị trường lao động vững vàng, đã giữ cho đồng USD mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, các chính sách thuế quan và cắt giảm thuế của Mỹ, đặc biệt là dưới thời Tổng thống Donald Trump, cũng gây ra sự không chắc chắn trong thương mại quốc tế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ thương mại giữa Mỹ và các quốc gia khác mà còn làm gia tăng áp lực lên các đồng tiền quốc gia, bao gồm cả đồng Việt Nam (VND). Chính sách thuế quan có thể sẽ tiếp tục đẩy tỷ giá USD/VND lên cao, vì dòng tiền quốc tế tiếp tục đổ vào USD như một kênh đầu tư an toàn.

Trong bối cảnh này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều chỉnh tỷ giá trung tâm và tăng trần tỷ giá USD bán ra. Việc tăng trần tỷ giá USD cho phép NHNN có thêm công cụ để can thiệp vào thị trường sau này khi cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh dự trữ ngoại hối có thể bị ảnh hưởng.

Chúng tôi cho rằng việc tỷ giá tăng mạnh đầu năm còn gây bất ngờ với giới đầu tư khiến cho phản ứng của thị trường có phần thái quá trong các phiên ngày 12/02/2025, tuy nhiên dựa trên định hướng thúc đẩy kinh tế mạnh mẽ trong năm nay của chính phủ và tình hình bất ổn về chính trị thương mại thế giới, kịch bản tỷ giá USD/VND giới hạn tới 26.000đ/USD là một kịch bản tích cực.

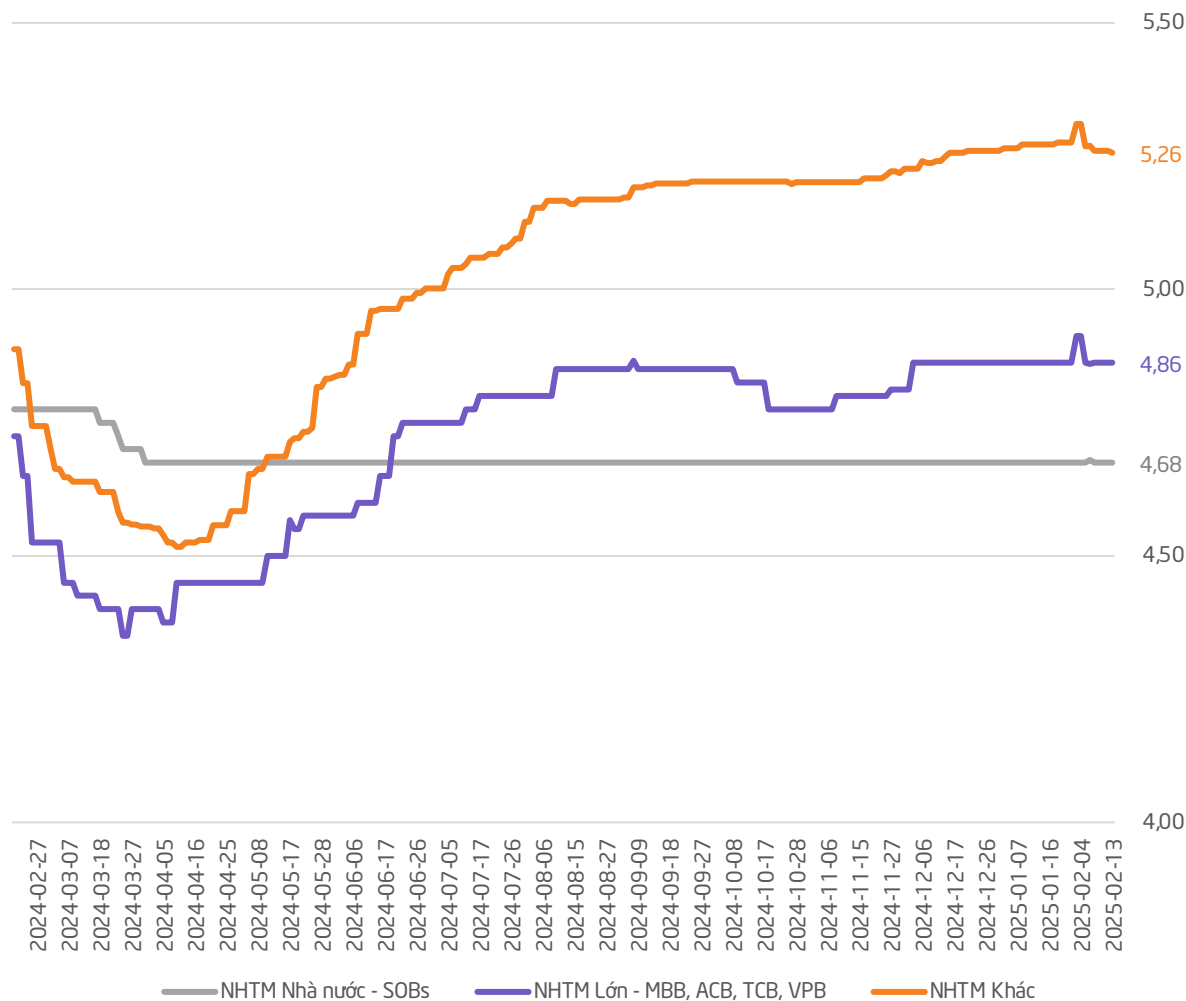
Tỷ giá trung tâm ở mức cao nhất nhiều năm



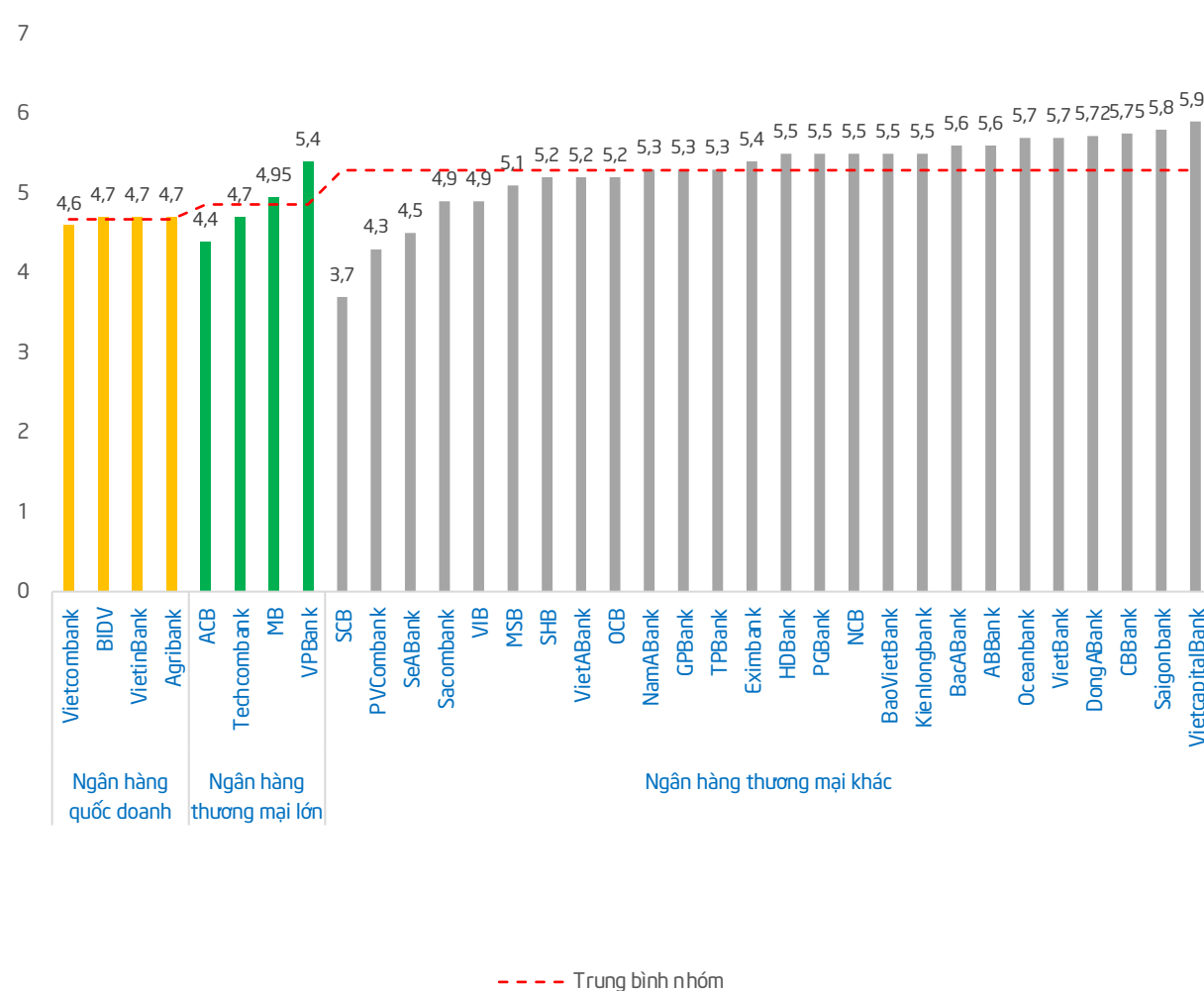
Lãi Suất Huy Động Của Ngân Hàng Tiếp Tục Duy Trì Mức Thấp

Theo quan sát của Trung tâm phân tích TPS, chúng tôi thấy rằng lãi suất huy động của các ngân hàng tại Việt Nam trong năm 2025 vẫn duy trì ở mức thấp, với một số điều chỉnh tăng lãi suất ở một số ngân hàng nhỏ trong thời gian ngắn. Còn lại hầu hết các ngân hàng đều giữ trung bình lãi suất ở quanh 5%/năm kì hạn 12 tháng, điều này phản ánh sự ổn định về thanh khoản và có nhiều dư địa để các ngân hàng giữ lãi suất cho vay ở mức thấp, hỗ trợ kinh tế.

Lãi suất huy động 12 tháng của các nhóm ngân hàng



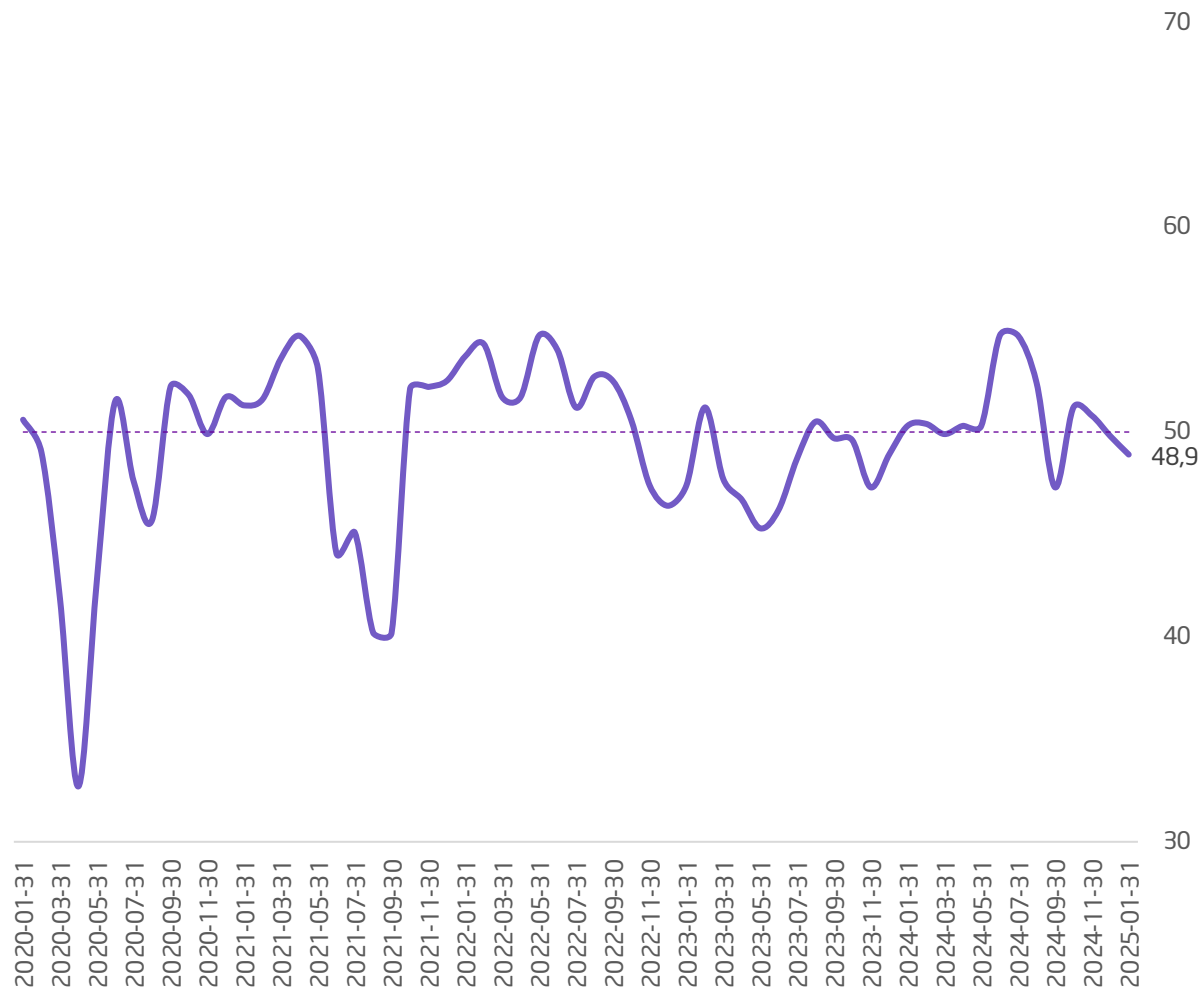
Lãi suất huy động 12 tháng của các ngân hàng



PMI Tháng 1/2025: Thấp Nhưng Không Hẳn Là Tiêu Cực

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 1/2025 đạt 48,9 điểm, giảm so với mức 49,8 điểm của tháng 12/2024 và tiếp tục dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng thứ hai liên tiếp. Điều này phản ánh sự suy giảm trong hoạt động sản xuất, với sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm. Các doanh nghiệp đã cắt giảm việc làm và tồn kho để đối phó với tình trạng này. Chúng tôi cho rằng đây là sự bị quan thận trọng trước sự bất ổn của chủ doanh nghiệp trước các bất ổn chính trị thương mại toàn cầu, vấn đề có thể giải quyết rõ ràng hơn trong các tháng tiếp theo vì vậy chúng tôi không đánh giá đây là tiêu cực. Đồng thời tháng 1 cũng là tháng nghỉ tết nên chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) thấp chỉ +0,6% là điều khá bình thường hàng năm.

PMI của Việt Nam



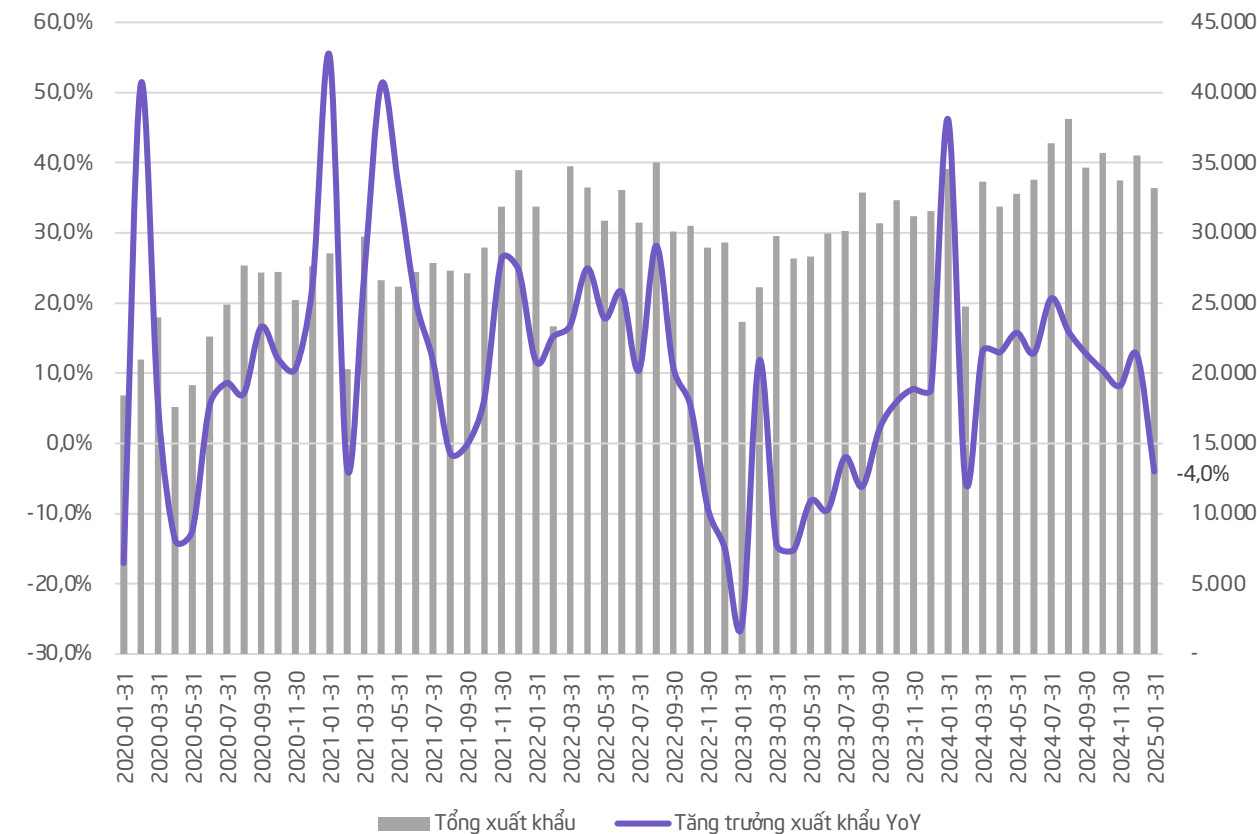
Tình hình IIP tháng 1 của Việt Nam thấp nhưng không bất thường

	Toàn ngành công nghiệp_YoY	Khai khoáng (%)_YoY	Công nghiệp chế biến, chế tạo_YoY	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện_YoY	Cung cấp nước và xử lý rác thải_YoY
2025-01-31	0,6%	-10,4%	1,6%	0,4%	9,2%
2024-12-31	8,8%	-3,7%	10,2%	5,6%	16,4%
2024-11-30	8,0%	-10,2%	10,0%	5,1%	12,8%
2024-10-31	7,1%	-8,7%	8,6%	5,7%	11,8%
2024-09-30	8,3%	-10,4%	10,4%	4,1%	13,7%
2024-08-31	8,4%	-6,1%	9,1%	9,9%	24,1%
2024-07-31	11,1%	-9,7%	13,8%	7,6%	11,1%
2024-06-30	12,4%	-11,1%	15,0%	12,7%	8,8%
2024-05-31	10,0%	-8,3%	11,9%	12,3%	5,3%
2024-04-30	7,4%	-5,0%	7,7%	13,9%	9,1%
2024-03-31	4,8%	-6,9%	5,1%	10,9%	12,0%
2024-02-28	-5,9%	-12,3%	-5,9%	-1,5%	-3,6%
2024-01-31	18,9%	9,2%	18,7%	29,9%	6,3%
2023-12-31	5,8%	-12,8%	7,6%	5,9%	11,5%
2023-11-30	5,0%	-6,9%	5,7%	9,6%	6,6%
2023-10-31	4,4%	-0,8%	4,5%	7,4%	5,8%
2023-09-30	2,9%	-6,4%	3,8%	3,0%	7,0%
2023-08-31	3,5%	-7,1%	4,3%	5,6%	1,9%
2023-07-31	2,3%	-2,1%	2,6%	3,9%	1,4%
2023-06-30	1,8%	0,2%	2,2%	-0,7%	5,7%
2023-05-31	0,5%	2,9%	-0,9%	7,7%	4,7%
2023-04-30	-2,4%	-5,5%	-2,8%	2,3%	8,1%
2023-03-31	-2,0%	-4,2%	-2,5%	1,8%	11,1%
2023-02-28	7,2%	9,9%	6,8%	8,3%	7,1%
2023-01-31	-14,9%	-13,0%	-15,6%	-12,4%	-1,4%

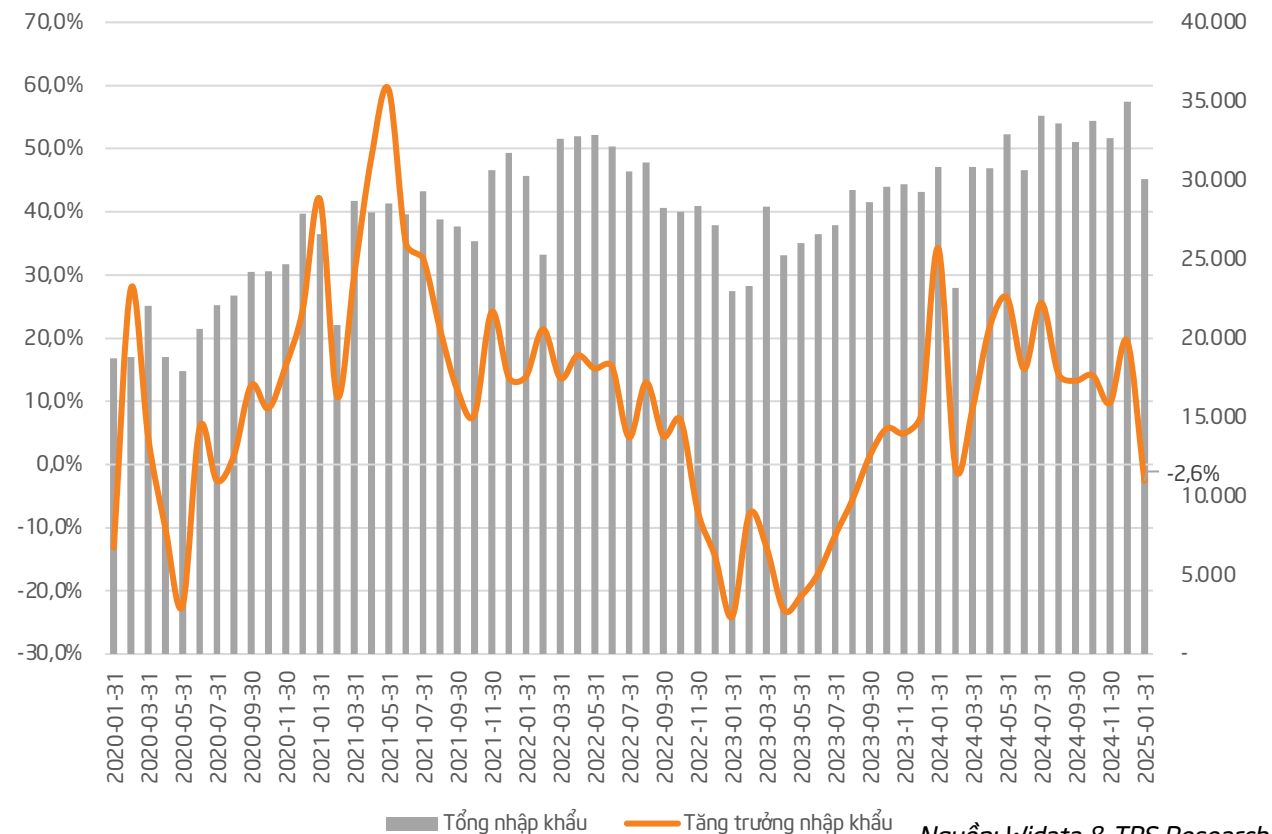
Tác Động Mùa Vụ, Vẫn Giữ Được Xuất Siêu 3,03 tỷ USD

- Trong tháng 1/2025, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, với xuất khẩu giảm 4,3% và nhập khẩu giảm 2,6%. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng mức giảm này không hoàn toàn phản ánh một xu hướng xấu mà phần lớn bởi yếu tố mùa vụ, đặc biệt là trong tháng Tết Nguyên Đán – một thời điểm mà hoạt động sản xuất và giao thương bị gián đoạn, làm ảnh hưởng xuất nhập khẩu.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong tháng 1 đạt 63,15 tỷ USD, giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Về tình hình xuất khẩu đạt 33,09 tỷ USD, giảm 6,9% so với tháng trước chủ yếu đến từ nhóm hàng công nghiệp chế biến, chiếm tới 89% tổng kim ngạch xuất khẩu.
- Về nhập khẩu, giảm mạnh hơn với mức giảm 14,1% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm mạnh 22,2%, còn khu vực FDI giảm 8,7%. Điều này phản ánh sự giảm bớt nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất trong ngắn hạn, đặc biệt là khi các hoạt động sản xuất bị đình trệ do kỳ nghỉ Tết kéo dài.
- Tuy nhiên, điểm sáng trong tình hình xuất nhập khẩu là cán cân thương mại vẫn giữ được mức xuất siêu 3,03 tỷ USD,**

Xuất khẩu giảm trong mùa Tết



Nhập khẩu giảm trong mùa Tết



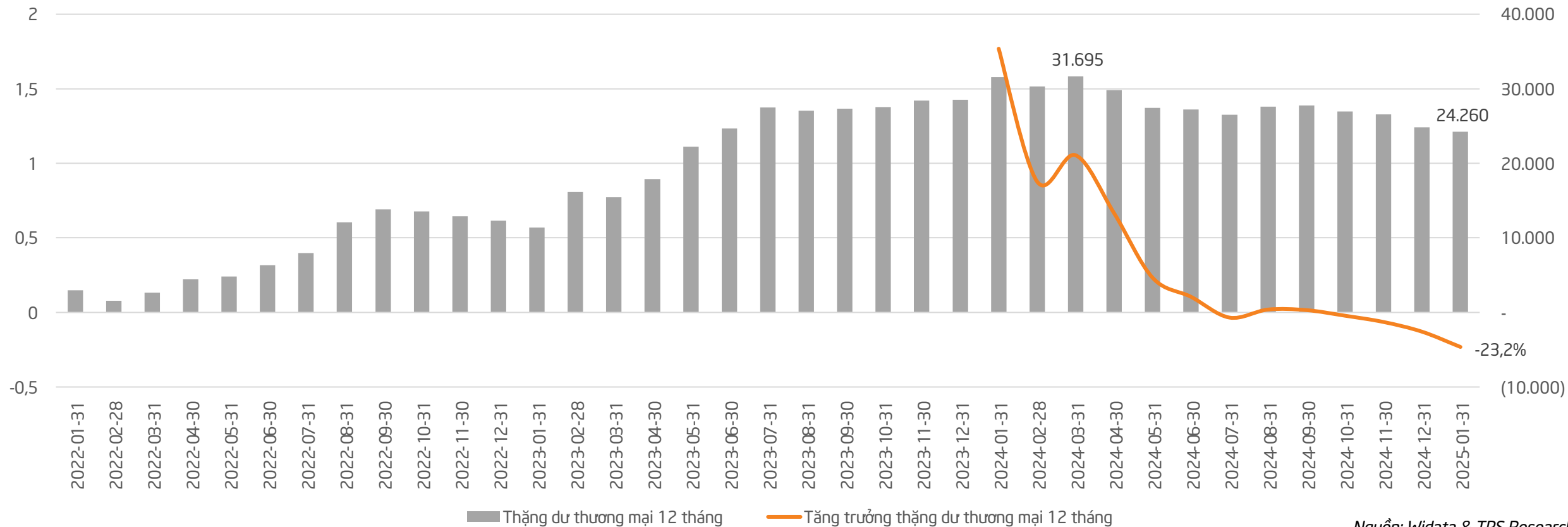
Thặng Dư Thương Mại 12 Tháng Giảm Liên Tiếp

Từ dữ liệu có thể thấy xu hướng giảm liên tục của thặng dư thương mại trong 12 tháng qua, từ mức cao đáng kể vào đầu năm 2024 (gần 32 tỷ USD) xuống mức thấp vào tháng 1 2025 còn 24,26 tỷ USD, tại tháng 01/2025 TDTM 12 tháng đã giảm 23,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Chúng tôi cho rằng điều này nếu kéo dài có thể tạo ra các ảnh hưởng:

- **Áp lực đối với tỷ giá hối đoái:** Nếu thặng dư thương mại giảm tiếp tục, có thể dẫn đến áp lực giảm giá trị đồng nội tệ do nhu cầu ngoại tệ để thanh toán các giao dịch nhập khẩu tăng lên.
- **Cấu trúc sản phẩm xuất nhập khẩu:** Giảm thặng dư thương mại có thể phản ánh sự thay đổi trong cấu trúc sản phẩm xuất khẩu. Nếu quốc gia xuất khẩu ít sản phẩm có giá trị gia tăng cao hoặc sản phẩm chủ yếu là nguyên liệu thô.

Chúng tôi cho rằng sự giảm thặng dư thương mại này chưa đến mức nghiêm trọng, tuy nhiên cần được chú ý bởi các tác động tới tỷ giá và phản ánh về cấu trúc sản phẩm xuất khẩu.

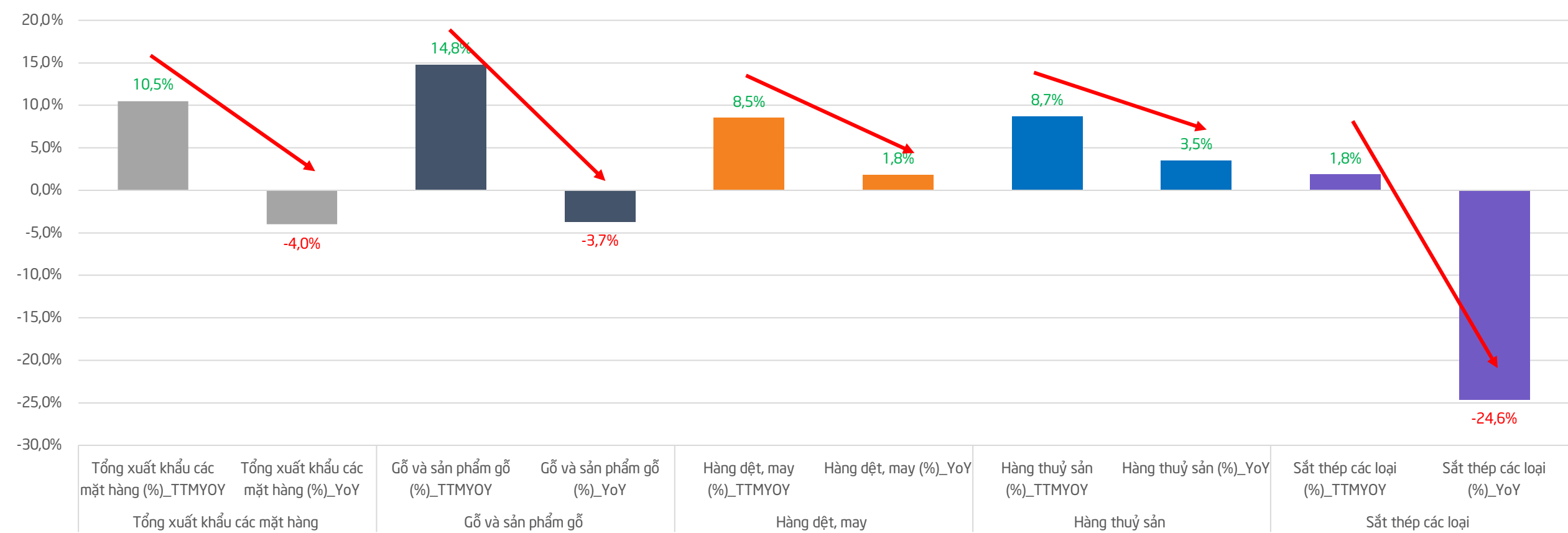
Thặng dư thương mại 12 tháng của Việt Nam đạt mức tốt tuy nhiên có xu hướng giảm nhiều tháng qua



Gỗ, Dệt May, Thủy Sản, Sắt Thép xuất khẩu chưa đạt kì vọng

Dưới góc độ phân tích, chúng tôi nhận thấy rằng các ngành hàng xuất khẩu quan trọng liên quan đến của các doanh nghiệp lớn trên thị trường chứng khoán như Gỗ và sản phẩm từ gỗ, Dệt may, Thủy sản, và Sắt thép đều ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu rất thấp trong tháng 1/2025, thậm chí thấp hơn so với mức trung bình trong năm qua. Đây là tín hiệu cần được theo dõi chặt chẽ, và **chúng tôi kỳ vọng sẽ có tín hiệu phục hồi trong tháng 2**, điều này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến đánh triển vọng các cổ phiếu xuất nhập khẩu trong tháng tiếp theo.

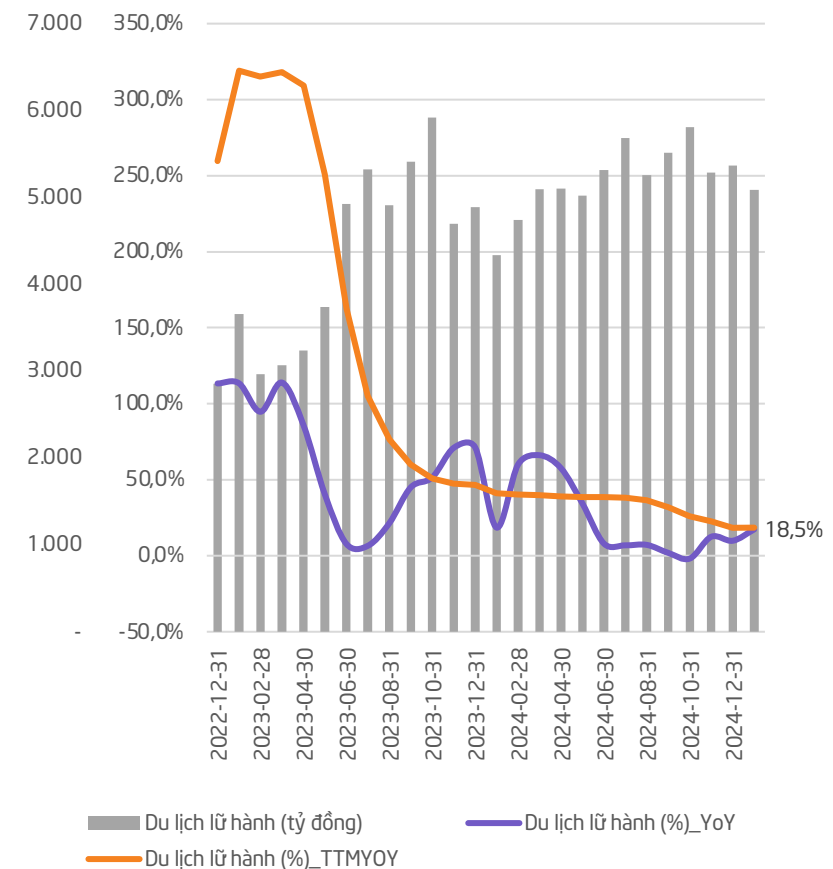
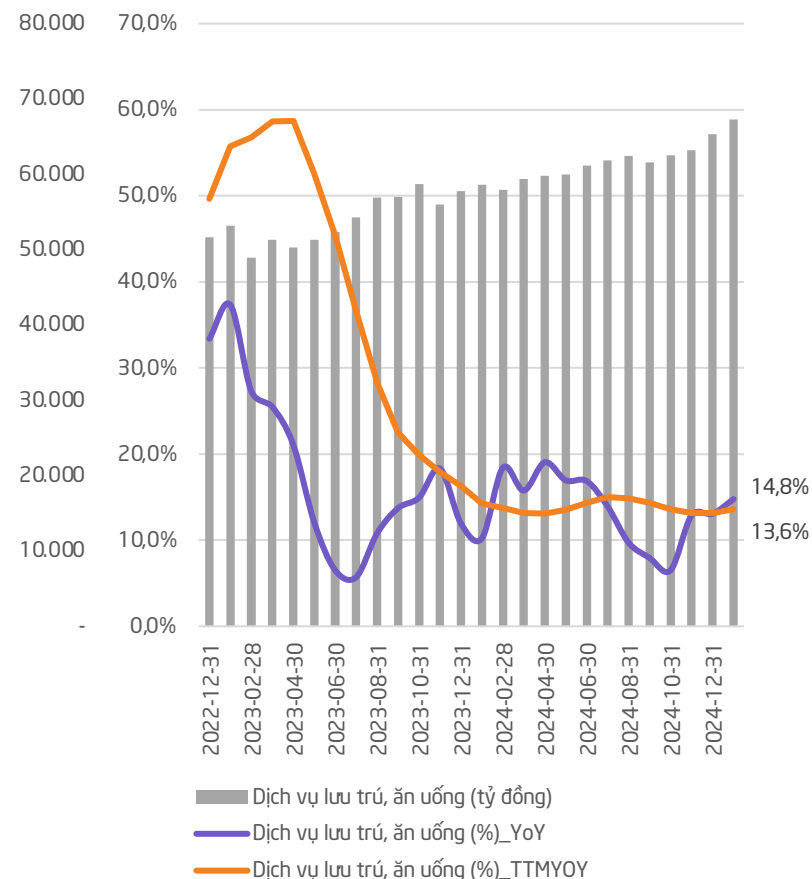
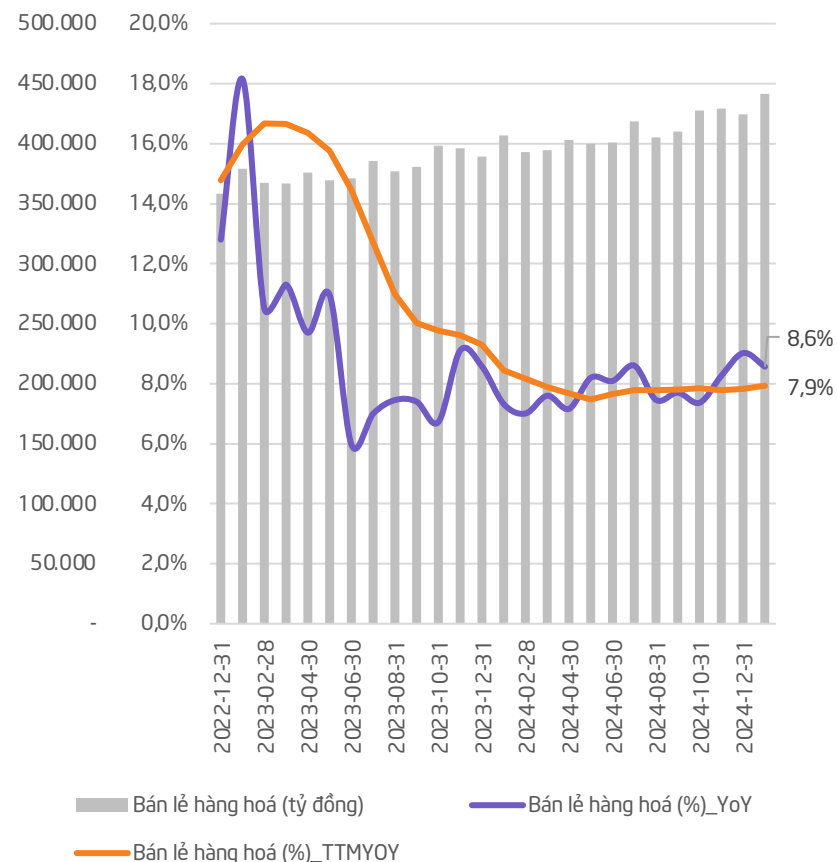
Số liệu xuất khẩu của các ngành hàng liên quan đến các cổ phiếu trên sàn chưa đáp ứng kì vọng



Trong tháng 1/2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong các lĩnh vực bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 573,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, mức tăng trưởng trong tháng 1 ở hầu hết các phân khúc – bao gồm bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành – đều vượt mức tăng trưởng trung bình năm. Điều này cho thấy xu hướng phục hồi rõ nét của nhu cầu tiêu dùng nội địa, đồng thời phản ánh đà tăng trưởng đang được củng cố trở lại, tạo động lực tích cực cho thị trường trong những tháng tiếp theo.

Hầu hết các mảng của bán lẻ đều có tăng trưởng tốt hơn trung bình nhiều năm



Với gần 2,1 triệu lượt khách quốc tế trong tháng 1/2025, ngành du lịch Việt Nam đã ghi nhận một sự tăng trưởng đáng kể, đạt mức tăng 36,9% so với cùng kỳ năm trước Đáng chú ý, Trung Quốc trở lại là thị trường lớn nhất với 575.000 lượt khách, chiếm 27,7% tổng lượng khách quốc tế. Điều này cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của sức cầu tiêu dùng, du lịch của thị trường Trung Quốc, tiềm năng tiếp tục tăng mạnh lượng khách du lịch trong thời gian tới. Tiếp theo là Hàn Quốc với 417.000 lượt khách, chiếm 20,1%, cho thấy mối quan hệ vững chắc giữa hai quốc gia trong ngành du lịch. Một điểm nổi bật khác là trong tháng 1/2025 là sự tăng trưởng mạnh mẽ trở lại từ thị trường châu Âu, khi khách từ khu vực này đã đạt 267.000 lượt, tăng 25% so với tháng trước.

Tình hình khách du lịch quốc tế tới Việt Nam kể từ sau giai đoạn Covid-19, khách Trung Quốc và Châu Âu đã trở lại

Ngày	Tổng số (Nghìn người)	Hàn Quốc (Nghìn người)	CHND Trung Hoa (Nghìn người)	Đài Loan (Nghìn người)	Nhật Bản (Nghìn người)	Cam-pu-chia (Nghìn người)	Ma-lai-xi-a (Nghìn người)	Thái Lan (Nghìn người)	Hoa Kỳ (Nghìn người)	Châu Âu (Nghìn người)	Ô-x-trây-li-a (Nghìn người)
2025-01-31	2.070	417	575	91	72	100	43	40	93	267	67
2024-12-31	1.747	435	388	111	56	61	54	41	74	213	51
2024-11-30	1.712	399	339	115	71	48	48	38	69	206	44
2024-10-31	1.420	367	305	109	56	40	36	39	58	162	40
2024-09-30	1.275	356	258	104	68	31	43	27	49	103	41
2024-08-31	1.447	421	307	118	81	35	32	27	51	149	33
2024-07-31	1.151	309	249	101	45	29	28	21	63	103	38
2024-06-30	1.249	330	286	101	46	35	39	29	65	84	30
2024-05-31	1.384	351	357	111	53	41	32	34	49	120	33
2024-04-30	1.557	368	358	119	57	42	38	45	69	194	48
2024-03-31	1.599	389	352	102	72	35	52	43	77	235	35
2024-02-28	1.531	427	295	114	47	42	43	35	80	210	35
2024-01-31	1.512	418	242	84	61	37	49	41	76	217	62
2023-12-31	1.371	372	234	93	62	43	51	47	59	171	37
2023-11-30	1.233	317	202	92	58	33	47	50	59	167	33
2023-10-31	1.113	321	184	92	54	36	39	41	50	105	37
2023-09-30	1.054	311	173	77	65	34	41	30	46	97	31
2023-08-31	1.229	386	212	83	66	31	30	31	57	130	30
2023-07-31	1.039	286	180	93	43	28	31	24	72	94	37
2023-06-30	975	284	158	71	37	30	40	30	67	74	27
2023-05-31	916	248	147	58	44	32	42	37	44	99	27
2023-04-30	984	259	112	62	43	40	34	55	56	137	34
2023-03-31	895	251	69	42	47	26	43	48	59	143	25
2023-02-28	933	301	55	59	36	36	35	42	70	125	27
2023-01-31	871	259	16	31	34	34	37	55	78	117	44
2022-12-31	707	201	17	25	28	28	42	49	52	93	25
2022-11-30	597	144	16	21	26	38	29	39	48	92	21
2022-10-31	484	130	14	14	24	30	23	32	42	62	20
2022-09-30	432	120	13	14	25	23	25	22	37	54	17
2022-08-31	491	174	12	15	26	22	16	21	37	65	16
2022-07-31	353	88	11	12	18	25	14	18	35	46	17
2022-06-30	237	51	10	7	12	12	11	11	27	31	12
2022-05-31	173	28	10	5	8	14	8	7	18	29	8
2022-04-30	101	14	8	4	4	8	3	2	13	20	6
2022-03-31	42	6	8	4	2	1	1	1	6	7	2
2022-02-28	30	5	4	3	2	1	0	0	3	6	1
2022-01-31	20	4	3	1	1	0	0	0	1	4	0

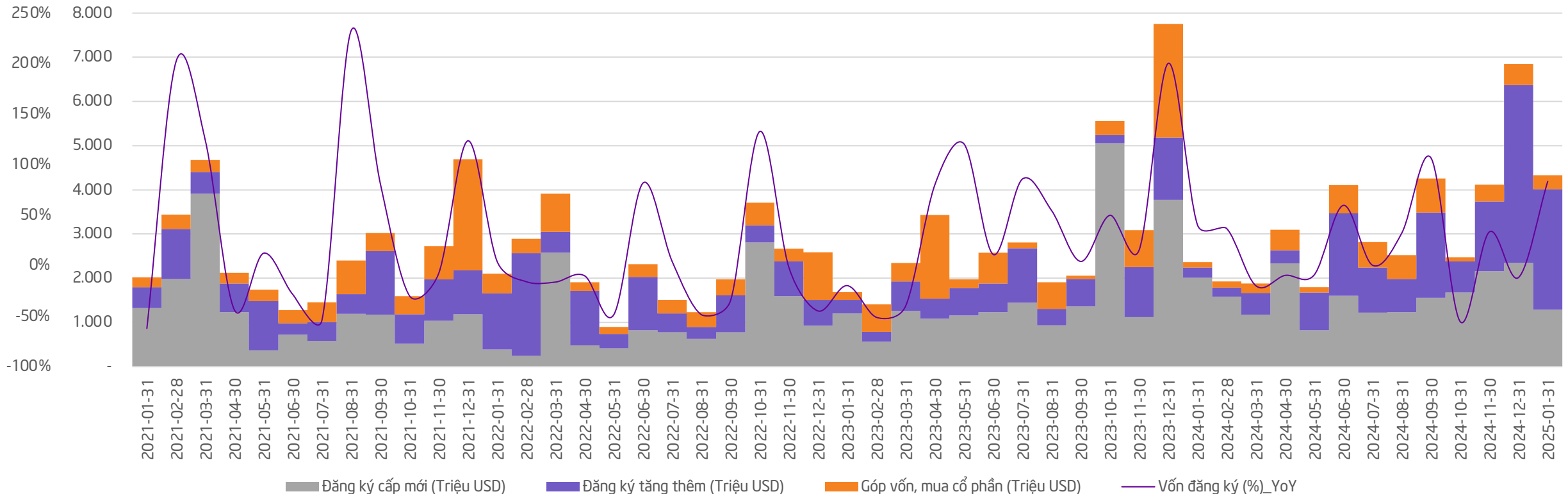
FDI đăng kí trong tháng 01/2025 tăng mạnh 4,3 tỷ USD, cao nhất 5 năm

Trong tháng 1 năm 2025, Việt Nam đã thu hút tổng cộng hơn 4,33 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), là mức vốn đăng kí trong tháng 1 cao nhất trong 5 năm qua và ghi nhận mức tăng trưởng 48,6% so với cùng kỳ. Đây là một tín hiệu rất tích cực cho nền kinh tế, cho thấy FDI có thể sẽ tiếp tục khởi sắc trong năm nay.

Cụ thể, về vốn đăng ký cấp mới, tổng vốn đạt gần 1,29 tỷ USD. Dù có sự sụt giảm mạnh 43,6% so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn có một điểm sáng đáng chú ý khi Trung Quốc đứng đầu trong các quốc gia đầu tư vào Việt Nam, với số vốn lên đến 380,3 triệu USD. Điều này cho thấy các xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam đang gia tăng, khi các công ty Trung Quốc tìm cách tránh rủi ro bị áp thuế nặng từ Mỹ.

Về vốn điều chỉnh, Việt Nam ghi nhận tổng vốn tăng thêm gần 2,73 tỷ USD, gấp gần 6,1 lần so với cùng kỳ năm trước. Phản ánh sự mở rộng đầu tư của khối FDI ở VN. Đồng thời góp vốn, mua cổ phần cũng có một bước tiến ấn tượng với 260 giao dịch, tổng giá trị đạt gần 322,9 triệu USD, tăng 70,4% so với cùng kỳ.

Vốn FDI đăng kí đạt 4,33 tỷ USD trong tháng một tăng trưởng 48,6%

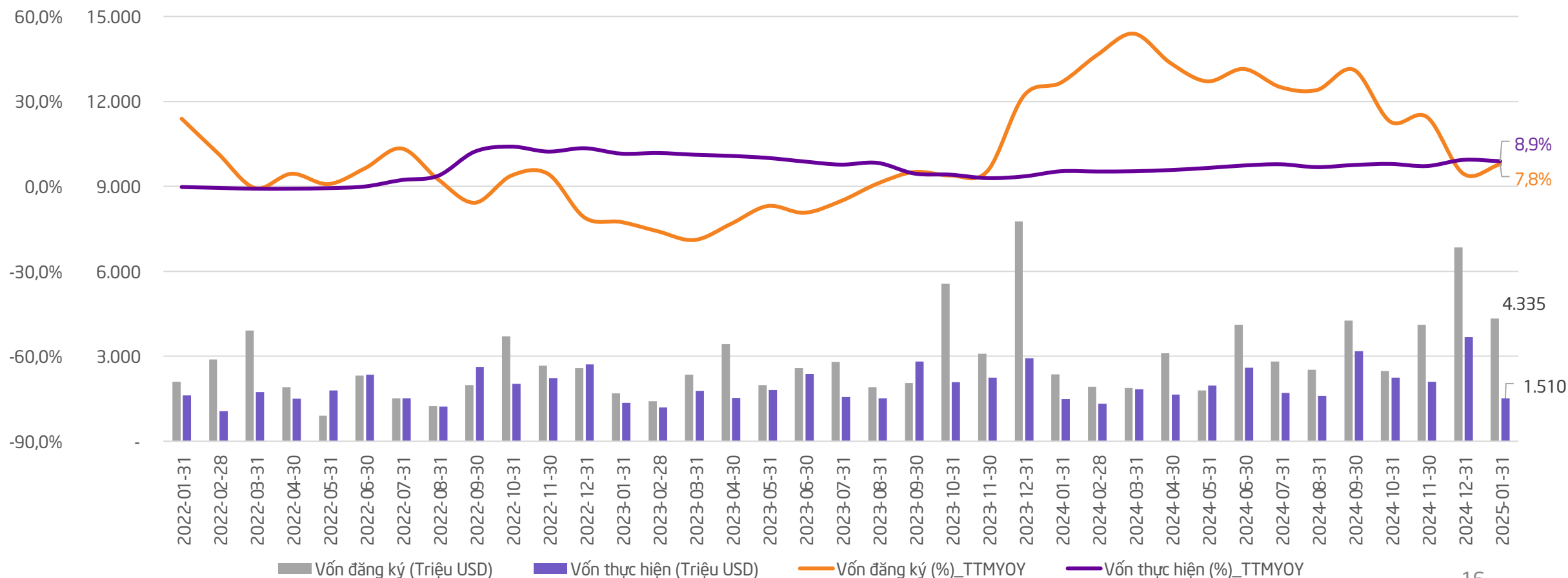


Đạt kỷ lục mới nhưng tốc độ tăng trưởng FDI đang thấp hơn so với kì vọng của Chính Phủ

Tháng 1 năm 2025 ghi nhận tổng vốn FDI thực hiện ước đạt 1,51 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù mức tăng này có vẻ khiêm tốn, nhưng xét trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động và tỷ giá chưa ổn định, đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy sự lạc quan quay trở lại trong dòng chảy vốn FDI vào Việt Nam.

Đặc biệt, khi xem xét xu hướng FDI trong vòng 12 tháng qua để loại bỏ yếu tố biến động theo mùa, chúng ta thấy tăng trưởng FDI hiện vẫn còn thấp hơn đáng kể so đầu năm 2024. Vốn thực hiện trong 12 tháng đạt mức tăng trưởng 8,9%; tăng trưởng vốn đăng ký đạt 7,8%. Tốc độ tăng trưởng này đang thấp hơn so với kì vọng của Chính Phủ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% năm 2025, vì vậy chúng tôi cho rằng cần theo dõi thêm và lưu ý vấn đề này.

Tăng trưởng vốn FDI được Chính Phủ kì vọng trên 10% cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% năm 2025

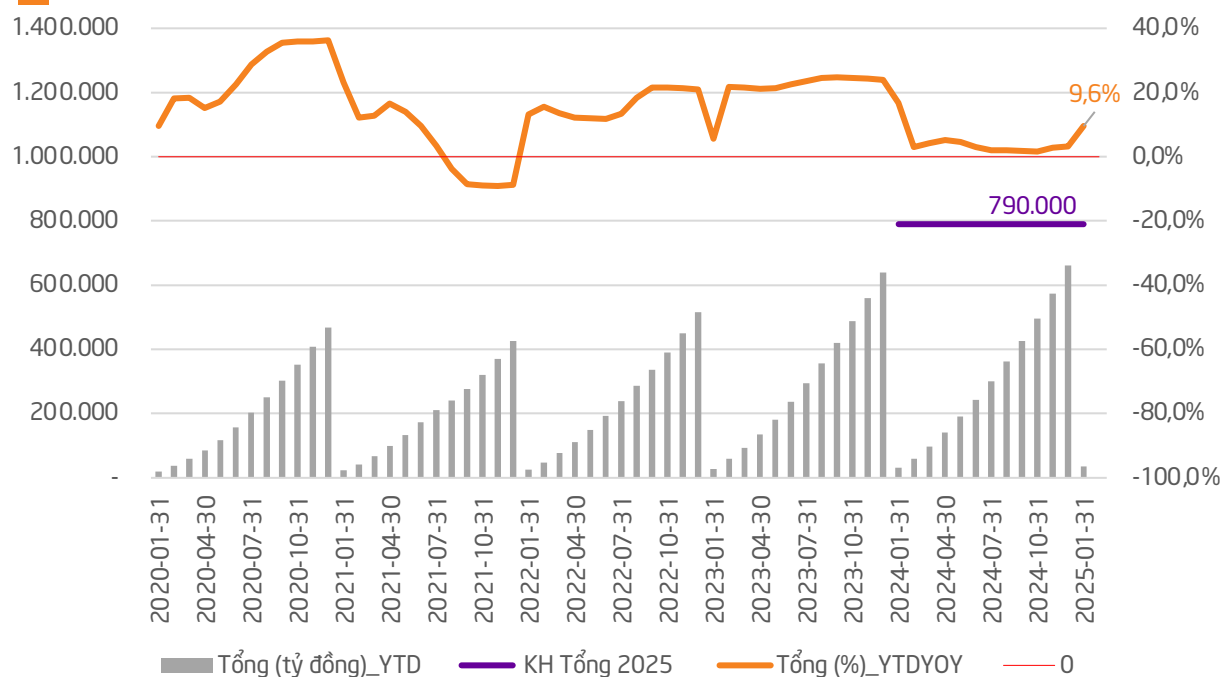


Tăng Trưởng Giải Ngân Vốn Đầu Tư Công Hướng Tới Mục Tiêu 2025

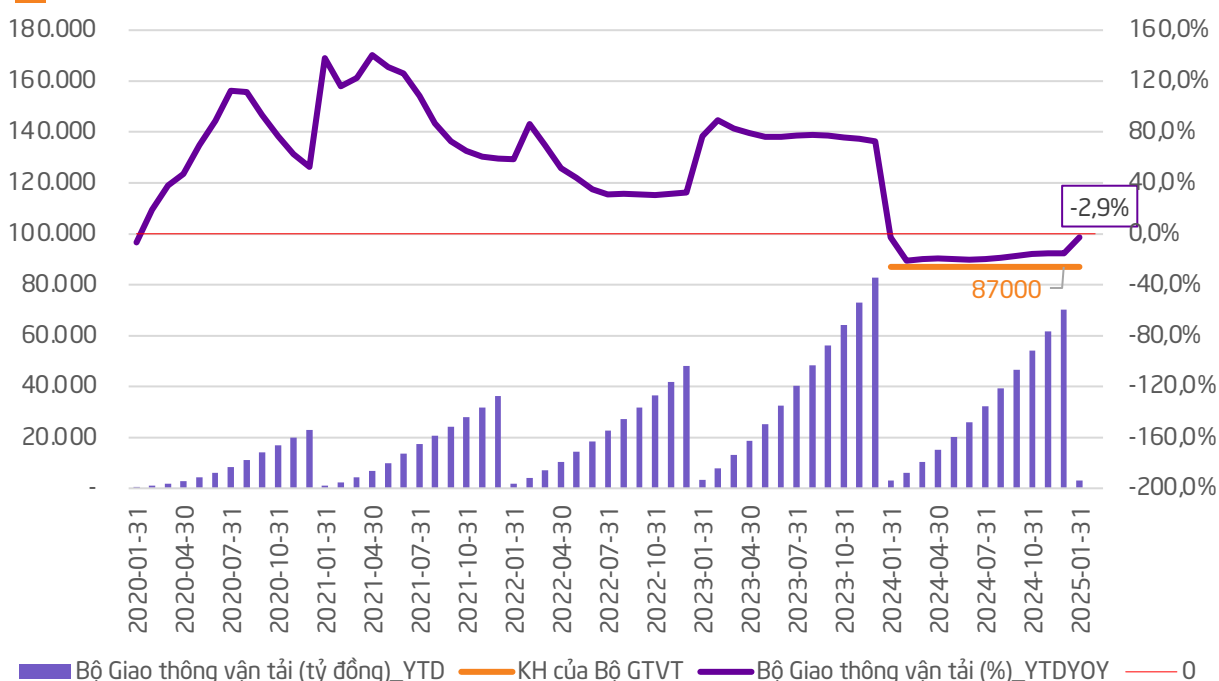
Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn suy giảm trong tăng trưởng giải ngân vốn đầu tư công, khi cả năm ghi nhận mức tăng trưởng chỉ đạt khoảng 3%. Điều này phản ánh những khó khăn trong việc triển khai các dự án và giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ. Tuy nhiên, bước sang tháng 1/2025, tình hình có những dấu hiệu khả quan hơn

- Trong tháng đầu năm, tổng số vốn giải ngân đạt 35.418 tỷ đồng, tương ứng với 4,4% kế hoạch năm. Mặc dù con số này còn khá khiêm tốn so với mục tiêu đặt ra, nhưng mức tăng trưởng 9,6% so với cùng kỳ là tín hiệu tích cực, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều tháng qua.
- Diễn biến tương tự cũng được ghi nhận tại Bộ Giao thông Vận tải, nơi mà giải ngân vốn đầu tư công trong cả năm 2024 giảm 15,2% so với năm 2023. Tuy nhiên, sang tháng 1/2025, với mức giải ngân 3.024 tỷ đồng, đạt 3,5% kế hoạch, mặc dù vẫn giảm 2,9% so với cùng kỳ, nhưng đây là một dấu hiệu cho thấy sự phục hồi đang dần hình thành.
- Chúng tôi cần phải lưu ý rằng, **mặc dù đã có những dấu hiệu phục hồi rõ rệt trong giải ngân vốn đầu tư công**, nhưng để hoàn thành mục tiêu giải ngân 790.000 tỷ đồng của năm 2025, **tăng trưởng vốn đầu tư công cần phải đạt từ 13% đến 19%**. Còn một chặng đường dài để đạt mục tiêu cao hơn, 850.000 tỷ đồng, mà Chính phủ vừa đề xuất gần đây.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công qua các năm



Tình hình giải ngân vốn đầu tư công của bộ GTVT các năm





TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

Trưởng bộ phận Phân tích chiến lược thị trường

Trương Đắc Nguyên

028 7301 3839 (Ext 899)

nguyetd@tpbs.com.vn

Giám đốc Trung tâm phân tích

Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

thanhnt@tpbs.com.vn

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)